

CÔNG TY TNHH VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CỘNG ĐỒNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG CỘNG ĐỒNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INSTITUTE OF ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY COMMUNITY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIỆN IETC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110487227

3. Ngày thành lập: 26/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 Ngõ 139 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0943841268

Fax:

Email: info@vienmoitruong.com.vn

Website: www.vienmoitruong.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch... bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. - Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. - Bán buôn đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh. - Bán buôn đèn và bộ đèn điện; thiết bị, dụng cụ, đồ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc... - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất cho gia đình. Loại trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế.	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Loại trừ bán buôn dụng cụ, máy móc, trang thiết bị y tế.	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ các mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh.	4669
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây lấy sợi	0116
22.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
23.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
24.	Trồng cây hàng năm khác	0119
25.	Trồng cây ăn quả	0121
26.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
27.	Trồng cây điều	0123
28.	Trồng cây hồ tiêu	0124
29.	Trồng cây cao su	0125
30.	Trồng cây cà phê	0126
31.	Trồng cây chè	0127
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
37.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
38.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
39.	Chăn nuôi gia cầm	0146
40.	Chăn nuôi khác	0149
41.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
42.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
46.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
47.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
48.	Khai thác gỗ	0220

49.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
50.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
51.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
52.	Khai thác thủy sản biển	0311
53.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
54.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
55.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
56.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
58.	Đào tạo sơ cấp	8531
59.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
60.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
61.	Lập trình máy vi tính	6201
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
64.	Công nghệ thông tin Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội, trang thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử	6312
65.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
66.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản.	6820
67.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính.	7020

68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc theo quy định tại Chương III của Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 bao gồm việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế máy móc và thiết bị; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. + Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Dịch vụ đo đạc, vẽ, lập bản đồ theo quy định tại Chương II, Chương III của Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14. - Hoạt động tư vấn đấu thầu; thăm dò, điều tra, khảo sát địa hình, địa chất công trình, thủy văn và các công việc khảo sát khác phục vụ hoạt động xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch; Thiết kế và thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng theo quy định tại Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	7110
69.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120(Chính)
70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
74.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
75.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Trừ các mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh.	4690
76.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
77.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
78.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
79.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
80.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
81.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
82.	In ấn	1811
83.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
84.	Sao chép bản ghi các loại	1820
85.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

86.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
87.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
88.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
89.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
90.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
91.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
92.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
93.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
94.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
95.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
96.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
97.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
98.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
99.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
100.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
101.	Sản xuất đồng hồ	2652
102.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
103.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
104.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
105.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
106.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
107.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
108.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
109.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
110.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
111.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
112.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
113.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
114.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.	4791

116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	4933
117.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
118.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
119.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
120.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
121.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
122.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
123.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
124.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
125.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
126.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
127.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
128.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
129.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
130.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
131.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
132.	Thu gom rác thải độc hại	3812
133.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
134.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
135.	Tái chế phế liệu	3830
136.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
137.	Xây dựng nhà để ở	4101
138.	Xây dựng nhà không để ở	4102
139.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
140.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
141.	Xây dựng công trình điện	4221
142.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
143.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
144.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
145.	Xây dựng công trình thủy	4291
146.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
147.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
148.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
149.	Phá dỡ Chi tiết: Trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn.	4311

150.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn.	4312
151.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
152.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
153.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
154.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
155.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
156.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 28.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHÙNG VĂN THANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079018122

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Mỹ A, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Mỹ A, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG VĂN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001079018122

Ngày cấp: 31/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Phú Mỹ A, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phú Mỹ A, Xã Phú Sơn, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội